TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 882/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Nguyên;
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Xuân M, sinh năm: 1943 (Có mặt);
Địa chỉ: ấp 2, xã X, huyện BC, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phú Ph, sinh năm: 1938 (Có mặt);
Địa chỉ: ấp 2, xã X, huyện BC, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Xuân M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Phú Ph có tìm hiểu, tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1964, Giấy chứng nhận kết hôn số 10/1964, quyển số 01/1964, do UBND xã X, huyện BC, Thành phố H cấp ngày 25/4/1964. Hai người chung sống một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Có 09 người con chung tên là Nguyễn Thị Xuân D, sinh năm 1960 (đã trưởng thành), Nguyễn Phú Thanh L, sinh năm 1964 (đã trưởng thành),

Nguyễn Phú Thanh C, sinh năm 1964 (đã trưởng thành), Nguyễn Phú Thanh H, sinh năm 1965 (đã trưởng thành), Nguyễn Phú Thanh D, sinh năm 1968 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1969 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Xuân Y, sinh năm 1971 (đã trưởng thành), Nguyễn Phú Thanh H, sinh năm 1973 (đã trưởng thành), Nguyễn Phú Thanh B, sinh năm 1980 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà M giữ nguyên các yêu cầu về ly hôn, con chung, nợ chung. Về tài sản chung: Bà yêu cầu được chia phần đất và tài sản gắn liền với đất diện tích là 207m^2 thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 07 (Theo tài liệu 02/CT-UB) bộ địa chính xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Nguyễn Phú Ph trình bày:

Ông Ph xác nhận là ông và bà Huỳnh Thị Xuân M có tìm hiểu, tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1964, Giấy chứng nhận kết hôn số 10/1964, quyển số 01/1964, do UBND xã X, huyện BC, Thành phố H cấp ngày 25/4/1964. Thời gian gần đây, do lớn tuổi nên bà M bị nhiều bệnh tật, bà M có bị bệnh hoang tưởng nên thường xuyên hiểu lầm ông. Bản thân ông cũng có rất nhiều bệnh. Ông rất còn thương bà M và vợ chồng trong tuổi già sống chung với nhau. Nay bà M yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý và ông yêu cầu Tòa án giải quyết đoàn tụ.

Về con chung: Có 09 người con chung tên là Nguyễn Thị Xuân D, sinh năm 1960 (đã trưởng thành), Nguyễn Phú Thanh L, sinh năm 1964 (đã trưởng thành), Nguyễn Phú Thanh C, sinh năm 1964 (đã trưởng thành), Nguyễn Phú Thanh H, sinh năm 1965 (đã trưởng thành), Nguyễn Phú Thanh D, sinh năm 1968 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1969 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Xuân Y, sinh năm 1971 (đã trưởng thành), Nguyễn Phú Thanh H, sinh năm 1973 (đã trưởng thành), Nguyễn Phú Thanh B, sinh năm 1980(đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Ph vẫn giữ nguyên ý kiến và lời trình bày nêu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị Xuân M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phú Ph đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 10/1964 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện BC, Thành phố H cấp ngày 25/4/1964, giữa bà Huỳnh Thị Xuân M và ông Nguyễn Phú Ph là vợ chồng được pháp luật công nhận quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời trình bày của bà M thì đời sống chung vợ chồng của bà M và ông Ph phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do quan điểm sống của hai người không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Ông Ph xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà M không có phát sinh mâu thuẫn, bà M có tiền sử bị bệnh hoang tưởng, thường xuyên bỏ nhà đi và bà M thường xuyên hiểu lầm ông; ông vẫn rất còn yêu thương vợ; vợ chồng ông cũng đã rất lớn tuổi nên ông mong muốn Tòa án giải quyết đoàn tụ.

Xét thấy, ngoài lời trình bày của bà M thì bà M không có chứng cứ nào để chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Mặt khác, Ủy ban nhân dân xã X có công văn số 247/UBND ngày 27/5/2019 xác định là Ủy ban nhân dân xã chưa tiếp nhận thông tin cũng như chưa tổ chức hòa giải mâu thuẫn về hôn nhân giữa ông Ph và bà M. Hơn nữa, bà M và ông Ph đều đã lớn tuổi, chung sống với nhau gần 60 năm, vợ chồng cần tạo điều kiện để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Tại phiên tòa, bà M và ông Ph cũng thừa nhận trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này thì ông bà thường xuyên đi du lịch, nghĩ dưỡng cùng nhau. Xét thấy mẫu thuẫn giữa bà M và ông Ph không trầm trọng, khả năng đoàn tụ vợ chồng vẫn còn, mục đích hôn nhân và hạnh phúc gia đình vẫn đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Xuân M là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Xuân M nên Tòa không xét.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Xuân M được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Xuân M.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Xuân M xin ly hôn với ông Nguyễn Phú Ph.

3. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Xuân M nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Xuân M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Nguyễn Tấn Việt